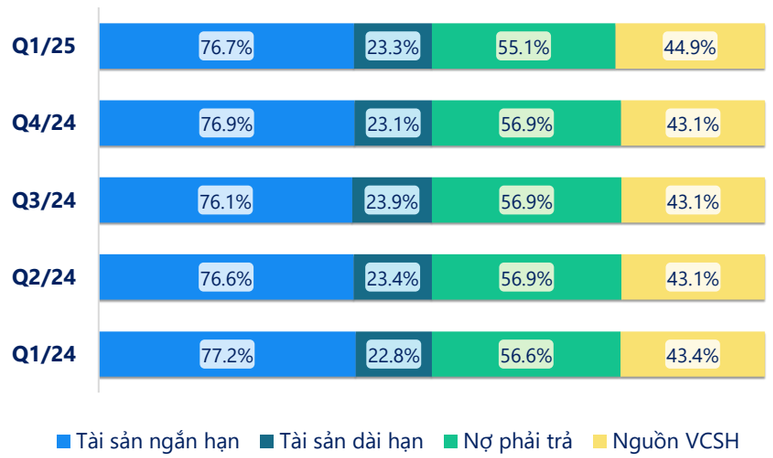
FireAnt

CTCP Lizen (HSX: LCG)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,501
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,720
SL cổ phiếu LH	193,090,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,409,435
% sở hữu nước ngoài	2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,970
P/E	14.3
EPS	713

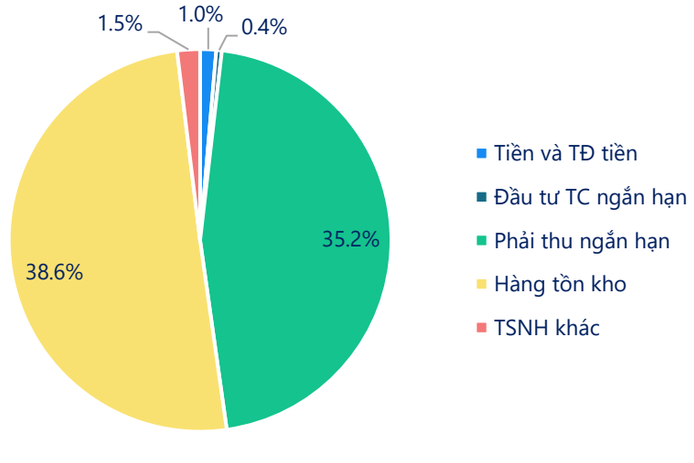
	YTD	1T	3T	6T
LCG	-1.4%	-5.1%	-2.4%	-9.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



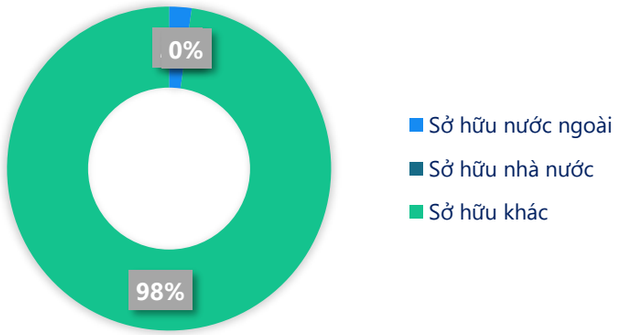
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



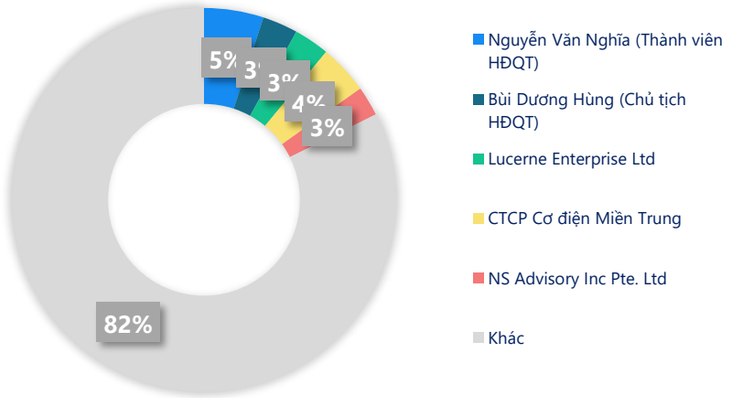
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



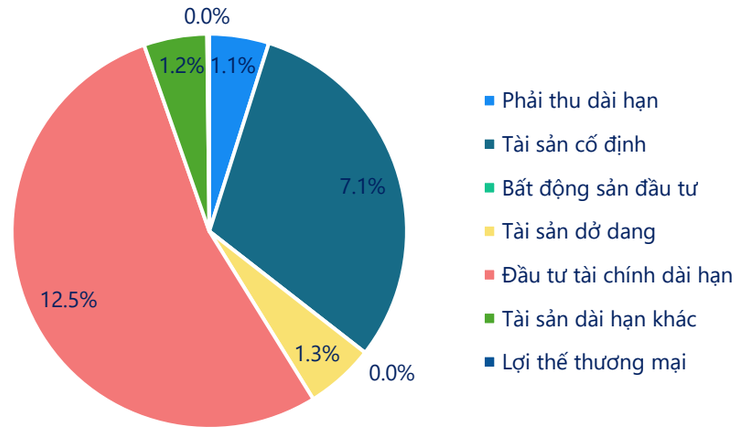
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

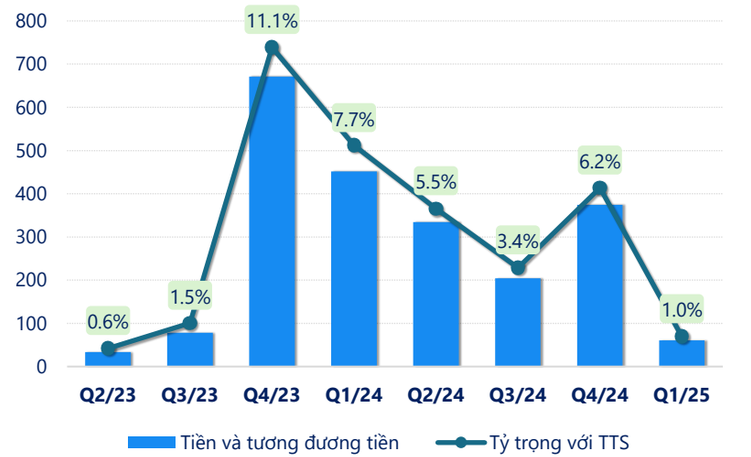


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

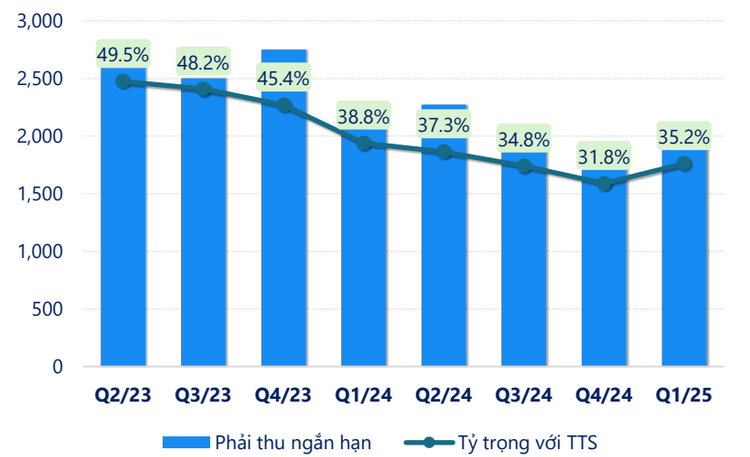
CTCP Lizen (HSX: LCG)

Tiền và tương đương tiền



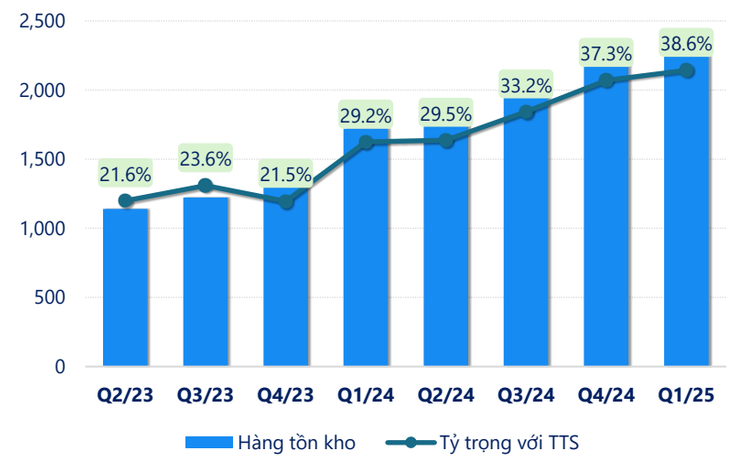
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



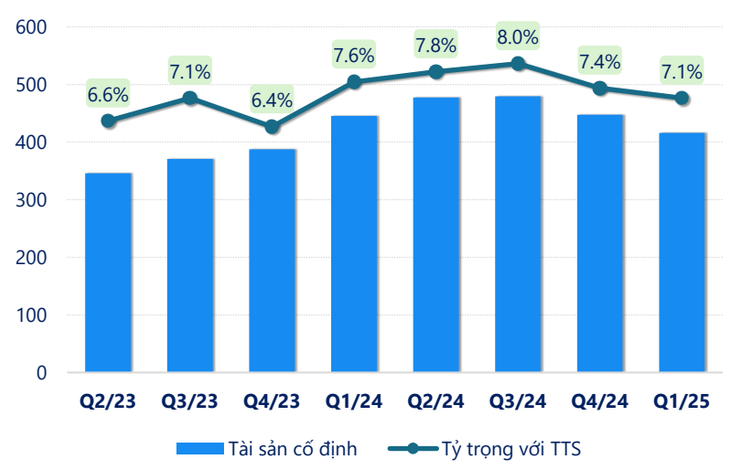
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



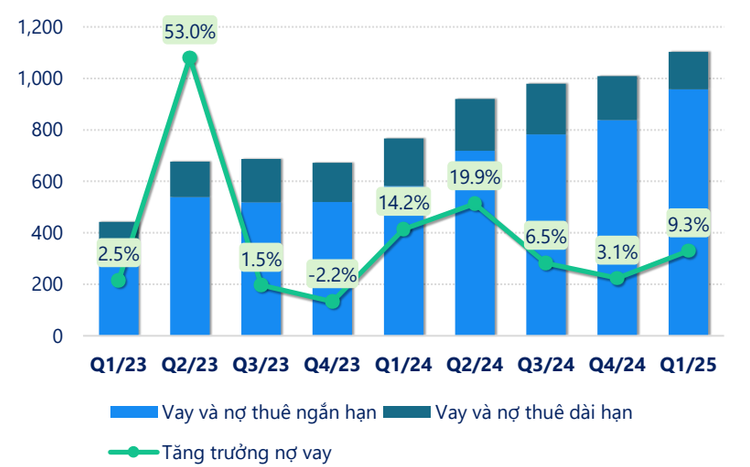
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



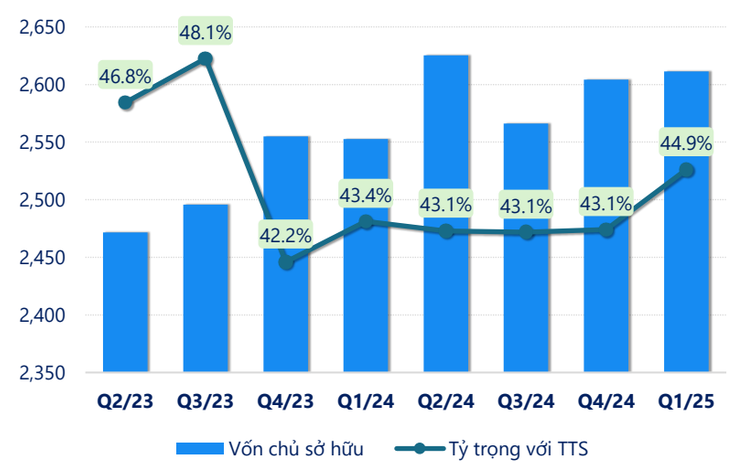
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

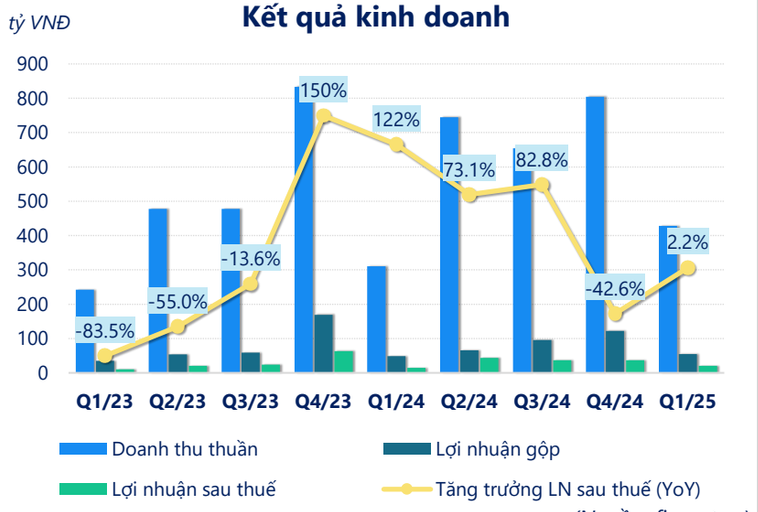


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

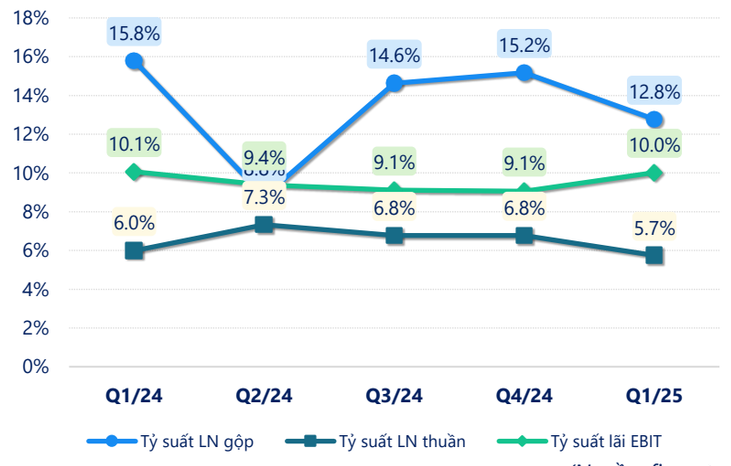
CTCP Lizen (HSX: LCG)

Kết quả kinh doanh



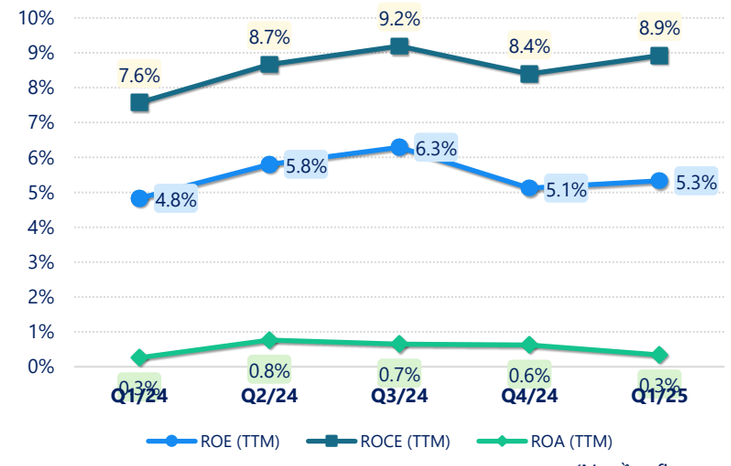
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



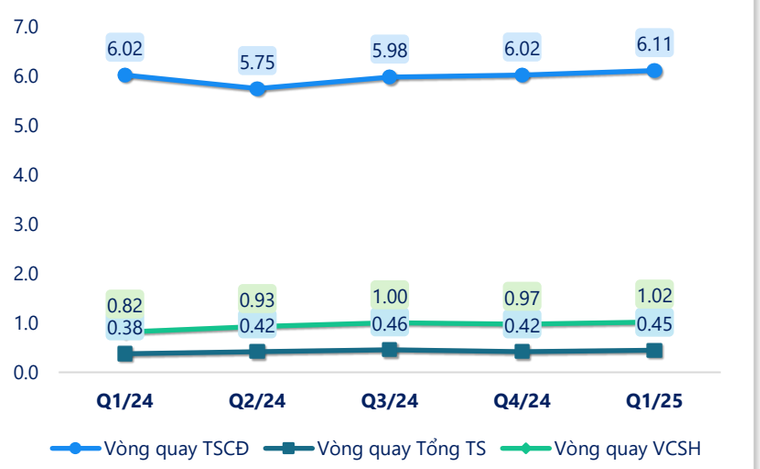
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



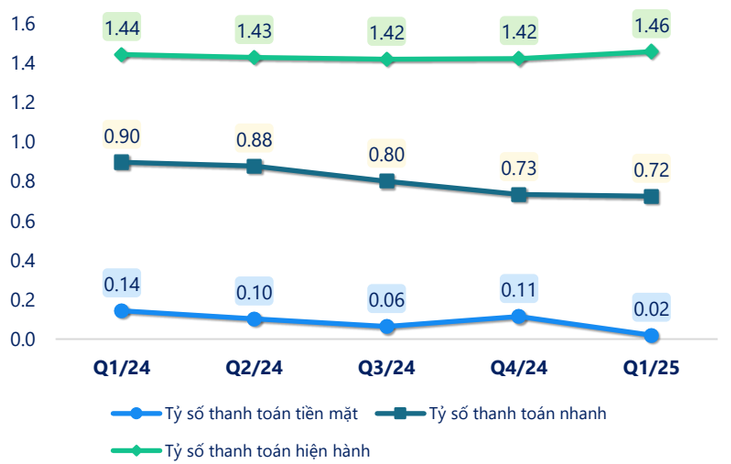
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



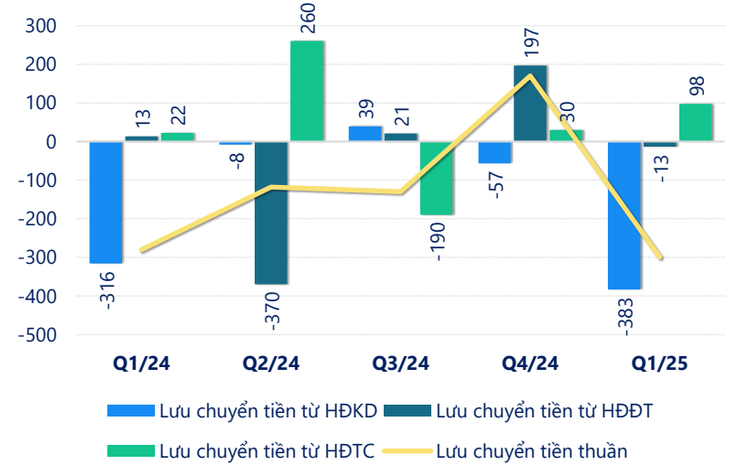
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Lizen (HSX: LCG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,820**	**6,020**	**-3.3%**
Tài sản ngắn hạn	4,463	4,607	-3.1%
Tiền và tương đương tiền	60.5	360	-83.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.8	11.0	89.8%
Phải thu ngắn hạn	2,051	2,120	-3.3%
Hàng tồn kho	2,245	2,056	9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	86.1	60.8	41.6%
Tài sản dài hạn	**1,357**	**1,413**	**-4.0%**
Phải thu dài hạn	66.2	73.1	-9.5%
Tài sản cố định	416	447	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	76.5	76.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	725	738	-1.8%
Tài sản dài hạn khác	**70.3**	**74.9**	**-6.2%**
Lợi thế thương mại	2.41	2.77	-12.8%
Nợ phải trả	3,208	3,429	-6.4%
Nợ ngắn hạn	**3,061**	**3,256**	**-6.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	957	838	14.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	659	758	-13.0%
Nợ dài hạn	148	173	-14.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	146	171	-14.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,611**	**2,591**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**2,611**	**2,591**	**0.8%**
Vốn điều lệ	1,951	1,951	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	311	744	654	804	428
Giá vốn hàng bán	262	679	558	682	374
Lợi nhuận gộp	49.1	65.4	95.7	122	54.7
Doanh thu HĐTC	2.04	29.2	1.00	4.42	2.92
Chi phí TC	12.8	18.1	16.4	22.5	18.0
Chi phí lãi vay	12.7	14.1	16.4	18.1	18.0
LN trong công ty LKLD	0	5.04	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	19.7	27.0	36.0	49.5	15.0
LN thuần từ HĐKD	18.6	54.6	44.3	54.5	24.6
Lợi nhuận khác	-0.02	1.12	-1.13	0.20	0.36
LN trước thuế	18.6	55.7	43.1	54.7	25.0
Lợi nhuận sau thuế	14.5	43.5	36.5	36.6	20.3
LNST của CĐ cty mẹ	14.5	43.5	36.4	37.7	20.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-316	-8.07	39.2	-56.7	-383
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.2	-370	20.6	197	-13.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.3	260	-190	30.0	97.7
Tiền đầu kỳ	732	452	334	204	360
Lưu chuyển tiền thuần	**-280**	**-118**	**-130**	**170**	**-299**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	452	334	204	374	60.5

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic